| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2020/HS-PT
Ngày: 14-02-2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- TH1nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quân Vương;

*Các Thẩm phán*: Ông Trần Văn Luông;

Bùi Ngọc Thạch.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương D - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 250/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Bá T. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

*Bị cáo kháng cáo:* Nguyễn Bá T, sinh năm 1988 tại tỉnh H; hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề Nệp: tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá D và bà Cao Thị N; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án hình sự phúc thẩm số 173/2019/HS-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xử phạt Nguyễn Bá T 07 (bảy) tháng tù về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của B luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2019 cho đến nay; có mặt.

Trong vụ án còn có 03 bị hại và 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

**NỘI D VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, Nguyễn Bá T giới thiệu cho bà Nguyễn Thị H mua thửa đất số 598, thuộc tờ bản đồ số 21 tại xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương của vợ chồng bà Lê Thị T và ông Ngô Văn H1 với giá 950.000.000 đồng. Bà T và ông H1 ủy quyền cho ông Lê Văn P giao K1 hợp đồng đặt cọc với bà H. Ngày 28 tháng 12 năm 2018, bà T và ông H1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà H. Sau khi mua được thửa đất trên, bà H nhờ T giới thiệu người mua đất với giá từ 1.100.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng, nếu có người mua thì T dẫn đến gặp trực tiếp bà H để giao dịch.

T phô tô mảnh trích lục địa chính thửa đất số 598, thuộc tờ bản đồ số 21 từ ông P để tìm người mua đất. T nói với người mua đất là thửa đất trên là đất của T và một người em gái.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, bà Nguyễn Thị D dẫn T đến nhà bà Nguyễn Thị B để bán thửa đất số 598 của bà H cho bà B và bà Lê Ngọc C với giá 900.000.000 đồng. Cùng ngày, bà B và bà C đặt cọc cho T số tiền 150.000.000 đồng (trong đó: 75.000.000 đồng là tiền của bà B, 75.000.000 đồng là tiền của bà C). T nhận tiền đặt cọc và đưa cho bà C bản phô tô mảnh trích lục địa chính, T hẹn bà C và bà B ngày 15 tháng 3 năm 2019 đến văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. T trả tiền giới thiệu cho bà D 18.000.000 đồng, bà D chia lại cho bà B 11.000.000 đồng.

Ngày 14 tháng 02 năm 2019, T nhờ ông Mai Diệp K giới thiệu cho T bán thửa đất số 598 của bà H cho bà Nguyễn Thị K1 với giá 880.000.000 đồng. Cùng ngày, T và bà K1 ký hợp đồng đặt cọc tại nhà bà K1, bà K1 đặt cọc cho T số tiền 200.000.000 đồng. T hẹn bà K1 ngày 25 tháng 3 năm 2019 đến văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. T trả cho ông K 15.000.000 đồng tiền giới thiệu người mua đất cho T.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, T không đến văn phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà C và bà B.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, bà C và bà K1 phát hiện thửa đất số 598, thuộc tờ bản đồ số 21 tại xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương không phải của T nên làm đơn tố cáo đến Công an xã N và Công an xã L. Công an xã N củng cố hồ sơ chuyển cho Công an huyện B giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, T không đến văn phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà K1.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, Công an huyện D chuyển hồ sơ tin báo cho Công an huyện B để giải quyết theo hướng có lợi cho bị can.

Quá trình điều tra, truy tố T khai nhận: T và bà H thỏa thuận, bà H nhờ T bán giùm thửa đất trên với giá từ 950.000.000 đồng trở lên. Sau khi T nhận tiền đặt cọc, T phải thông báo và đưa tiền cọc cho bà H chứ không phải theo lời khai của bà H là nhờ T giới thiệu người mua đất với giá từ 1.100.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng. T thừa nhận H1nh vi đã bán thửa đất số 598, thuộc tờ bản đồ số 21 tại xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương của bà H cho bà C, bà B và bà K1. Sau

khi nhận tiền đặt cọc, T không thông báo và đưa tiền đặt cọc cho bà H, số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân.

K1 luận giám định số 187/GĐ-PC09 ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương K1 luận: chữ ký, 02 (hai) dấu vân tay màu đỏ mang tên "Nguyễn Bá T" dưới mục bên A trên 02 (hai) "Giấy biên nhận đặt cọc", đề ngày 28/01 và 14/02 năm 2019 (ký hiệu A1 và A2) so với chữ ký, vân tay ngón trỏ phải và trỏ trái của Nguyễn Bá T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) do cùng một người ký và in ra.

K1 luận giám định số 267/GĐ-PC09 ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương K1 luận:

Chữ viết mang tên "Nguyễn Bá T", chữ viết họ tên "Nguyễn Bá T" dưới mục "Bên A" (mặt trước) và chữ ký, chữ viết mang tên "Nguyễn Bá T" (mặt sau) trên 02 (hai) "Giấy biên nhận đặt cọc", đề ngày 28/01 và 14/02 năm 2019 (ký hiệu A1 và A2) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Bá T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) do cùng một người ký và viết ra.

02 (hai) dấu vân tay màu đỏ mang tên "Nguyễn Bá T" dưới mục "Người bán" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với dấu vân tay ngón trỏ trái và trỏ phải của Nguyễn Bá T trên 02 (hai) "Biên bản V/v thu mẫu dấu vân tay", đề cùng ngày 29-5-2019 (ký hiệu M5 và M6) là của một người in ra.

K1 luận giám định số 263/GĐ-PC09 ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương K1 luận:

Chữ ký mang tên "Nguyễn Bá T" dưới mục "Bên A" trên 02 (hai) "Giấy biên nhận đặt cọc", đề ngày 28/01 và 14/02 năm 2019 (kí hiệu A1 và A2) so với chữ ký của Nguyễn Bá T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M2) do cùng một người ký ra.

02 (hai) dấu vân tay màu đỏ được Giám định viên đánh số 1, 2 mang tên "Nguyễn Bá T" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 và A2) so với dấu vân tay ngón trỏ trái và trỏ phải của Nguyễn Bá T, nơi ĐKTT: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương in trên "Chỉ bản" vân tay mười ngón, lập ngày 16-7-2019 tại Công an huyện B, tỉnh Bình Dương (ký hiệu M3) là của cùng một người in ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 13/11/2019 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của B luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T 10 (mười) năm tù.

Tổng hợp với 07 (bảy) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án hình sự

phúc thẩm số 173/2019/HS-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt là 10 (mười) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23 tháng 5 năm 2019.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/11/2019, bị cáo Nguyễn Bá T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Bá T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như tH1nh khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có cha là ông Nguyễn Bá D là người có công với cách mạng nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là quá Nêm khắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai nhận toàn B hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Bá T nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được hòa nhập với cộng đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá T được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Bá T đã khai nhận H1nh vi phạm tội thống nhất như nội D bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: vào các ngày 28/01 và 14/02/2019, bị cáo Nguyễn Bá T đã dùng thủ đoạn gian dối ký hợp đồng đặt cọc với bà Nguyễn Thị B, bà Lê Ngọc C và bà Nguyễn Thị K1 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H (thửa đất số 598, thuộc tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương) nhằm chiếm đoạt tổng số tiền 350.000.000 đồng. H1nh vi của bị cáo T thực hiện đủ yếu tố cấu tH1nh tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của B luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của bị cáo T dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của những người bị hại là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến

quyền sở hữu tài sản hợp pháp của những người bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do H1nh vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa C cho xã hội. Bị cáo T có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Bá T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của B luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Bá T. Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù bị cáo T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhân thân xấu. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã tH1nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn B số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại; các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có cha là ông Nguyễn Bá D là người có công với cách mạng theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của B luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do H1nh vi phạm tội của bị cáo gây ra, xét thấy mức hình phạt 10 (mười) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là nặng, chưa tương xứng với với tính chất, mức độ H1nh vi phạm tội của bị cáo. Do đó, có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của B luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo với lý do bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác với vai trò bí thư Chi đoàn Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương là chưa đúng với quy định tại điểm b khoản 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 08/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của B luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của B luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tổng hợp với 07 (bảy) tháng tù về tội "Đánh bạc" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án hình sự phúc thẩm số 173/2019/HS-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 5 năm 2019.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của B luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Bá T không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- TAND huyện B; 2
- VKSND huyện B; 1
- Chi cục THADS huyện B; 1
- Phòng PV06 Công .an tỉnh BD; 1
- Công an huyện B; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Trại Tạm giam Công an tỉnh BD; 1
- Bị cáo; 2
- Tổ H1nh chính Tư pháp; 2
- Lưu: HSVA, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Quân Vương**

**THẨM PHÁN TH1NH VIÊN** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

**Bùi Ngọc Thạch** **Trần Văn Luông** **Lê Quân Vương**